TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga;

2. Ông Lê Văn Xuyên;

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "ly hôn, về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thanh N, sinh năm 1975; địa chỉ: số 259, tổ 9, ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1971; địa chỉ: số 259, tổ 9, ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang (Có yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Tr tự tìm hiểu và tổ chức lễ cưới vào năm 1999, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng không quan tâm gia đình, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, đến cách nay khoảng hơn 01 năm thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống đến nay. Từ khi không còn chung sống, hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình

cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn In Đ, sinh ngày 18/3/2002 (hiện do anh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị đồng ý để anh Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Tr được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Tr vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được. Tuy nhiên, anh có nộp văn bản nêu ý kiến: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình. Nay đối với yêu cầu ly hôn của chị N, anh đồng ý. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn In Đ, sinh ngày 18/3/2002 (hiện anh đang chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Ngô Thị Thanh N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr, anh Tr có nơi cư trú ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn Tr có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tr là có căn cứ.

[3] Chị Ngô Thị Thanh N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr. Chị N và anh Tr có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị N trình bày, trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường hay cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều. Đến cách nay khoảng 01 năm thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn sống chung đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Tr. Anh Nguyễn Văn Tr có văn bản trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian không còn chung sống. Nay đối với yêu cầu ly hôn của chị N, anh đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết Tòa án đã tạo điều kiện để chị N, anh Tr hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần, nhưng chị N, anh Tr không hàn gắn được và anh, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu với ly hôn với anh Tr, anh Tr đồng ý.

Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị N, anh Tr xác định, trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn In Đ, sinh ngày 18/3/2002 (hiện do anh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, chị N đồng ý để anh Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh Tr có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con và Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu Đ thì cháu cũng có nguyện vọng được sống chung với cha. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Đối với cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Tr không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Chị N, anh Tr xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Chị N, anh Tr trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Thanh N đối với anh Nguyễn Văn Tr.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận chị Ngô Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn Tr thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 135, ngày 18 tháng 9 năm 2002 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Văn Tr và chị Ngô Thị Thanh N không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn Tr được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn In Đ, sinh ngày 18/3/2002 (hiện do anh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn Tr cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Ngô Thị Thanh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc chị Ngô Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn Tr xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì chị N và anh Tr phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Ngô Thị Thanh N phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0012943 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư